

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 20/01/2025

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Minh Thư, Bà Trương Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2024/TLPT – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của nguyên đơn anh [Phạm Đình L](#) đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 16/9/2024 của TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-PT ngày 12/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-PT ngày 27/12/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh [Phạm Đình L](#), sinh năm 1978; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị [Bùi Thị T](#), sinh năm 1977; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà [Phạm Thị S](#), sinh năm: 1957; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#);
Vắng mặt.

+ Bà [Phạm Thị N](#), sinh năm: 1961; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#);
Vắng mặt.

+ Bà [Phạm Thị Thanh N1](#), sinh năm: 1965; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt.

+ Bà [Phạm Thị Hồng T1](#), sinh năm: 1969; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt.

+ Anh [Phạm Văn S1](#), sinh năm: 1973; địa chỉ: [Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 16/9/2024 của TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau: Anh [L](#) và chị [T](#) kết hôn với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2001. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được nên đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Bản án số 12/2023/HNGĐ - ST, ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh: Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh [Phạm Đình L](#) được ly hôn với chị [Bùi Thị T](#), giao hai con chung là cháu [Phạm Thị Tú A](#), sinh ngày 09/4/2008 và cháu [Phạm Gia H](#), sinh ngày 15/01/2013 cho anh [Phạm Đình L](#) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự không kháng cáo, Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh [L](#) và chị [T](#) không tự thỏa thuận được về tài sản chung của vợ chồng nên anh [L](#) đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa anh [L](#) và chị [T](#) như sau: Trong quá trình chung sống, anh [L](#) và chị [T](#) có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

+ 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, tường xây gạch tấp lô dày 150 mm, nền láng vữa xi măng, tường trát không sơn; chưa có hệ thống cửa, mái lợp ngói FibroXM, hộc cao 4,5m, nhà được xây làm 3 phòng. Diện tích xây dựng 67,3m² (nhà chính);

+ 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô, hộc cao 3,47m; mái lợp Pờ rô xi măng đã dột nát, nhà được xây làm 02 phòng, chưa có hệ thống điện. Diện tích xây dựng 32,2m² (nhà bếp);

+ 01 nhà tắm được xây dựng làm 02 phòng, xây bằng gạch đỏ, có ốp lát phía trong cao 1,8m, mái lợp FibroXM. Diện tích xây dựng 11m²

+ 01 mái che lợp bằng tôn màu (được làm vào năm 2022), cột bằng ống thép, khung bằng thép hộp. Diện tích xây dựng 47,6m²;

+ 01 chuồng trại chăn nuôi, móng đá xây gạch, cột bê tông, khung gỗ nhóm 4 - 5, mái lợp FibroXM, xà gồ bằng gỗ, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô không trát. Diện tích 25m²;

+ 01 giếng khoan sâu 30m;

- + 01 máy bơm nhãn hiệu TP đang sử dụng được;
- + 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á 1000 Lít (mua năm 2022);
- + 01 tọc nước nhãn hiệu T (mua 2016);
- + 01 vành đưng lúa bằng tôn màu trắng, cao 1,35m, đường kính 93cm (03 khoan);
- + 01 bộ bàn I Nóc tròn
- + 10 ghế tựa bằng nhựa màu đỏ.
- + 01 cây sung vanh 60cm, cao khoảng 03 cm;
- + 01 cây xoan đầu vanh 100cm, cao khoảng 06m;
- + 02 cây xoan đầu vanh 70cm, cao khoảng 04m;
- + 03 cây cam bù mới trồng mới trồng 03 năm tuổi;
- + 02 cây bưởi đã cho ra quả;
- + 01 cây cau lùn đã cho ra quả;
- + 06 cây cau mới trồng 04 năm tuổi;

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Bùi Thị T trình bày: Nhất trí ý kiến anh L đưa ra về các loại tài sản nêu trên là tài sản chung trong quá trình hôn nhân giữa anh L và chị T. Tuy nhiên chị T đề nghị anh Phạm Đình L hoàn lại cho chị T ½ giá trị các loại tài sản mà anh L và chị T đã thống nhất như buổi hòa giải ngày 30/8/2024 cụ thể như sau:

+ Giá trị ½ 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, tường xây gạch tấp lô dày 150 mm, nền láng vữa xi măng, tường trát không sơn; chưa có hệ thống cửa, mái lợp ngói FibroXM, hộc cao 4,5m, nhà được xây làm 3 phòng. Diện tích xây dựng 67,3m² (nhà chính).

+ Giá trị ½ 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô, hộc cao 3,47m; mái lợp Pờ rô xi măng đã dột nát, nhà được xây làm 02 phòng, chưa có hệ thống điện. Diện tích xây dựng 32,2m² nhà bếp);

+ Giá trị ½ 01 nhà tắm được xây dựng làm 02 phòng, xây bằng gạch đỏ, có ốp lát phía trong cao 1,8m, mái lợp FibroXM. Diện tích xây dựng 11m²;

+ Giá trị ½ 01 mái che lợp bằng tôn màu (được làm vào năm 2022), cột bằng ống thép, khung bằng thép hộp. Diện tích xây dựng 47,6m²;

+ Giá trị ½ 01 chuồng trại chăn nuôi, móng đá xây gạch, cột bê tông, khung gỗ nhóm 4 - 5, mái lợp FibroXM, xà gồ bằng gỗ, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô không trát. Diện tích 25m²;

+ Giá trị ½ 01 giếng khoan sâu 30m.

Theo kết quả định giá thì tổng giá trị toàn bộ các loại tài sản nêu trên là: 229.257.280 đồng (có biên bản định giá + phụ lục kèm theo ngày 05/7/2024). Chị T yêu

cầu anh [Phạm Đình L](#) phải hoàn lại cho chị [T](#) ½ trị giá các loại tài sản nêu trên là 114.628.640 (một trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng. Sau khi nhận đủ số tiền trên chị [T](#) sẽ đi tìm nơi ở mới và anh [L](#) được toàn quyền sử dụng các loại tài sản trên. Đối với diện tích đất là của bố mẹ anh [L](#) để lại chị [T](#) không yêu cầu giải quyết, ngoài các loại tài sản chị [T](#) yêu cầu phân chia ở trên, chị [T](#) không yêu cầu phân chia thêm mà để lại cho anh [L](#) toàn quyền sở hữu.

Sau khi chị [Bùi Thị T](#) trình bày anh [Phạm Đình L](#) có ý kiến: Chị [T](#) đưa ra yêu cầu tôi hoàn lại giá trị các loại tài sản 114.628.640 đồng là đúng với giá trị các loại tài sản mà Hội đồng định giá đưa ra nhưng bản thân tôi hiện nay là lao động phổ thông, chỉ trông chờ vào mấy sào ruộng, không có một nghề phụ nào hết, một mình nuôi hai con ăn học nên không có số tiền 114.628.640 đồng để hoàn lại cho chị [T](#). Tôi chỉ hoàn lại cho chị [T](#) số tiền 50.000.000 đồng, nếu chị [T](#) không nhất trí thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày, gồm có: Bà [Phạm Thị S](#), bà [Phạm Thị N](#), bà [Phạm Thị Thanh N1](#), bà [Phạm Thị Hồng T1](#) và anh [Phạm Văn S1](#), trình bày: Khi anh [L](#) và chị [T](#) đang là vợ chồng quá trình làm nhà và một số công trình khác, chúng tôi cũng có mặt góp công sức và một số tiền bạc vào để anh [L](#) chị [T](#) xây dựng các công trình như đã trình bày, vì anh [L](#) và em trai chúng tôi. Mặc dù chúng tôi có công sức khi anh [L](#) và chị [T](#) xây dựng tài sản chung, tuy nhiên chúng tôi đã giúp, đã cho thì chúng tôi không lấy lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn tài sản chung của hai người đề nghị Tòa án giải quyết quy định của pháp luật.

Về ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, tường xây gạch tấp lô dày 150 mm, nền láng vữa xi măng, tường trát không sơn; chưa có hệ thống cửa, mái lợp ngói FibroXM, hộc cao 4,5m, nhà được xây làm 3 phòng. Diện tích xây dựng 67,3m²: Theo Công văn số 60/BC - UBND “V/v kiểm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng cứ về chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo”, ngày 29/8/2024 của [UBND xã S](#), [huyện H](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) cho biết: Qua làm việc với hộ ông [Phạm Đình L](#), bà [Bùi Thị T](#) cũng như các cán bộ làm việc lâu năm tại địa phương khẳng định hộ gia đình ông [Phạm Đình L](#) được hỗ trợ xây dựng nhà thuộc nguồn hỗ trợ của Ủy ban mặt trận Tổ Quốc nhưng mức hỗ trợ bao nhiêu thì không xác định được mức cụ thể do cán bộ phụ trách nhà ở thời kỳ đó hiện đã qua đời, cán bộ kế nhiệm đã chuyển công tác.

Việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau: Hội đồng định giá đã thống nhất định giá như sau: Vật kiến trúc trị giá: 229.257.280 đồng, gồm: 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, tường xây gạch tấp lô dày 150 mm, nền láng vữa xi măng, tường trát không sơn; chưa có hệ thống cửa, mái lợp ngói FibroXM, hộc cao 4,5m, nhà được xây làm 3 phòng. Diện tích xây dựng 67,3m² (nhà chính) là 123.805.080 đồng; 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô, hộc cao 3,47m; mái lợp Pờ rô xi măng đã dột nát, nhà được xây làm 02 phòng, chưa có hệ thống điện. Diện tích xây dựng 32,2m² nhà bếp); 01 nhà tắm được xây dựng làm 02 phòng, xây bằng gạch đỏ, có ốp lát phía trong cao 1,8m, mái lợp FibroXM. Diện tích

xây dựng 11m² là 11.715.000 đồng; 01 mái che lợp bằng tôn màu (được làm vào năm 2022), cột bằng ống thép, khung bằng thép hộp. Diện tích xây dựng 47,6m² là 22.657.600 đồng; 01 chuồng trại chăn nuôi, móng đá xây gạch, cột bê tông, khung gỗ nhóm 4 - 5, mái lợp FibroXM, xà gồ bằng gỗ, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô không trát. Diện tích 25m² là 16.475.000 đồng; 01 giếng khoan sâu 30m là 9.750.000 đồng (là vật kiến trúc chi T yêu cầu Tòa án giải quyết). Đất đai trị giá: 152.600.000 đồng; Vật dụng trị giá: 7.000.000 đồng; Cây cối trị giá: 33.330.000 đồng. Tổng giá trị các loại tài sản trên: 422.187.280 đồng (có biên bản định giá + phụ lục kèm theo ngày 05/7/2024).

Đối với đất đai trị giá: 152.600.000 đồng anh L, chi T đều nhất trí cho rằng diện tích đất nói trên là của ông Phạm Văn Đ, được cấp ngày 01/10/1998, không yêu cầu chia; Vật dụng trị giá: 7.000.000 đồng; Cây cối trị giá: 33.330.000 đồng chi T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGD-ST ngày 16/9/2024 của TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

"- Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đình L về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Giao cho anh Phạm Đình L được sở hữu toàn bộ các loại tài sản là: Vật kiến trúc; Vật dụng và Cây cối (như trong biên bản định giá + phụ lục kèm theo ngày 05/7/2024). Tổng giá trị các loại tài sản mà anh Phạm Đình L được hưởng là: 269.587.280 đồng.

- Anh Phạm Đình L có nghĩa vụ giao lại cho chị Bùi Thị T số tiền 114.628.640 đồng, là số tiền chênh lệch tài sản mà chị T được hưởng (theo yêu cầu chia của chị T).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/9/2024 anh Phạm Đình L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên ý kiến và đồng ý với quyết định của Tòa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phạm Đình L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2024/HNGD-ST ngày 16/9/2024 của TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Anh [Phạm Đình L](#) kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh [Phạm Đình L](#), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh [Phạm Đình L](#) và chị [Bùi Thị T](#) đã thừa nhận có tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, tường xây gạch tấp lô dày 150 mm, nền láng vữa xi măng, tường trát không sơn; chưa có hệ thống cửa, mái lợp ngói FibroXM, hộc cao 4,5m, nhà được xây làm 3 phòng. Diện tích xây dựng 67,3m² (nhà chính); 01 ngôi nhà 01 tầng, móng xây gạch đá, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô, hộc cao 3,47m; mái lợp Pờ rô xi măng đã dột nát, nhà được xây làm 02 phòng, chưa có hệ thống điện. Diện tích xây dựng 32,2m² (nhà bếp); 01 nhà tắm được xây dựng làm 02 phòng, xây bằng gạch đỏ, có ốp lát phía trong cao 1,8m, mái lợp FibroXM. Diện tích xây dựng 11m²; 01 mái che lợp bằng tôn màu (được làm vào năm 2022), cột bằng ống thép, khung bằng thép hộp. Diện tích xây dựng 47,6m²; 01 chuồng trại chăn nuôi, móng đá xây gạch, cột bê tông, khung gỗ nhóm 4 - 5, mái lợp FibroXM, xà gồ bằng gỗ, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch tấp lô không trát. Diện tích 25m²; 01 giếng khoan sâu 30m; 01 máy bơm nhãn hiệu TP đang sử dụng được; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á 1000 Lít (mua năm 2022); 01 tạc nước nhãn hiệu [T](#) (mua 2016); 01 vanh đựng lúa bằng tôn màu trắng, cao 1,35m, đường kính 93cm (03 khoanh); 01 bộ bàn I Nóc tròn; 10 ghế tựa bằng nhựa màu đỏ; 01 cây sung vanh 60cm, cao khoảng 03 m; 01 cây xoan đầu vanh 100cm, cao khoảng 06m; 02 cây xoan đầu vanh 70cm, cao khoảng 04m; 03 cây cam bù mới trồng mới trồng 03 năm tuổi; 02 cây bưởi đã cho ra quả; 01 cây cau lùn đã cho ra quả; 06 cây cau mới trồng 04 năm tuổi.

Theo nội dung kháng cáo, anh [Phạm Đình L](#) cho rằng ngôi nhà chính được xây dựng trên đất của bố anh là ông [Phạm Văn Đ](#), được xây dựng bằng tiền hỗ trợ gia đình khó khăn, tiền Huân Huy chương của bố anh và tiền anh chị em góp lại nên không tính vào tài sản chung vợ chồng. Xét thấy, ngôi nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân, có hỗ trợ xây dựng nhà thuộc nguồn hỗ trợ của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cho hộ anh [Phạm Đình L](#) và chị [Bùi Thị T](#), quá trình xây dựng những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan bà [Phạm Thị S](#), [Phạm Thị N](#), [Phạm Thị Thanh N1](#), [Phạm Thị Hồng T1](#) và anh [Phạm Văn S1](#) là anh chị em của anh [Phạm Đình L](#) có lời khai góp công sức xây dựng nhưng không có căn cứ chứng minh, việc góp công sức xây dựng nhà là do họ tự nguyện cho vợ chồng anh [L](#), chị [T](#) và không có yêu cầu gì. Anh [L](#) kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng minh đây không phải là tài sản chung vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, xác định ngôi nhà chính và những tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng.

[3.2] Về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn có nguyện vọng được chia tài sản chung bằng hiện vật và hoàn trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bị đơn chị [Bùi Thị T](#). Bị đơn chị [Bùi Thị T](#) có nguyện vọng được chia bằng tiền đối với vật kiến trúc là $\frac{1}{2}$ giá trị 01 ngôi nhà chính, nhà bếp, nhà tắm, mái che lợp bằng tôn màu, chuồng trại chăn nuôi, giếng khoan, theo kết quả định giá tài sản là số tiền 114.628.640 đồng. Đối với cây cối, vật dụng chị [Bùi Thị T](#) tự nguyện không yêu cầu chia. Hội đồng xét xử thấy rằng, các loại tài sản chung mà anh [L](#) và chị [T](#) tạo lập được trong quá trình hôn nhân nhiều hơn so với các loại tài sản mà chị [T](#) yêu cầu giải quyết, các loại tài sản này nằm trong số những loại tài sản chung được tạo lập trong quá trình hôn nhân giữa anh [L](#) và chị [T](#). Chị [T](#) chỉ yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ trị giá các loại tài sản nêu trên là quyền tự định đoạt của đương sự, không vi phạm pháp luật và trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự định đoạt đó của chị [T](#). Anh [L](#) và chị [T](#) đều lao động để tạo ra khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên xác định anh [L](#) và chị [T](#) có công sức đóng góp vào khối tài sản chung bằng nhau, nên anh [L](#) và chị [T](#) mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản. Anh [L](#) có nguyện vọng được sở hữu toàn bộ số tài sản chung của anh [L](#) và chị [T](#) trong quá trình hôn nhân và giao lại số tiền chênh lệch cho chị [T](#) là phù hợp với thực tế hiện tại và hoàn cảnh của hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh [L](#) cho rằng một số tài sản Hội đồng định giá tài sản định giá cao hơn giá trị thực tế nhưng không có căn cứ chứng minh. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các đương sự hoàn toàn thống nhất, tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2024, anh [L](#) trình bày thống nhất với giá của Hội đồng định giá đưa ra nhưng do không có tiền, hoàn cảnh khó khăn nên chỉ chấp nhận giao cho chị [T](#) số tiền 50.000.000 đồng. Việc anh [L](#) tự đưa ra giá các tài sản như nội dung kháng cáo không có cơ sở xem xét. Do đó bản án sơ thẩm xét xử là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Anh [Phạm Đình L](#) là hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh [Phạm Đình L](#). Giữ nguyên bản án sơ thẩm 17/2024/HNGĐ-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Phạm Đình L](#) về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Giao cho anh [Phạm Đình L](#) được sở hữu toàn bộ các loại tài sản là: Vật kiến trúc; Vật dụng và Cây cối (như trong biên bản định giá + phụ lục kèm theo ngày 05/7/2024). Tổng giá trị các loại tài sản mà anh [Phạm Đình L](#) được hưởng là: 269.587.280 đồng.

- Anh [Phạm Đình L](#) có nghĩa vụ giao lại cho chị [Bùi Thị T](#) số tiền 114.628.640 đồng, là số tiền chênh lệch tài sản mà chị [T](#) được hưởng (theo yêu cầu chia của chị [T](#)).

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn cho anh [Phạm Đình L](#) và chị [Bùi Thị T](#). Trả lại cho anh [Phạm Đình L](#) số tiền 625.000 đồng mà anh [L](#) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567, ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền anh [Phạm Đình L](#) phải trả cho chị [Bùi Thị T](#) nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh [Phạm Đình L](#).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Bùi Quang Năng

